

Bản án số: 31/2024/DSST
Ngày: 10/6/2024
*V/v tranh chấp ranh giới
giữa các bất động sản liền kề*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tạ Quang Đức.*
- Ông Nguyễn Thanh Hải.*

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cum Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hiền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 đến ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản liền kề*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông **Lê Quang G**, sinh năm 1976.

2/ Ông **Lê Quang S**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số D, ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ông G đại diện cho ông Lê Quang S và bà Lê Tuyết P theo Giấy ủy quyền ngày 29/3/2023.

- Bị đơn: Ông Lê K (Chết năm 2013).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê K:

1/ Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1936.

2/ Bà **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1970.

3/ Ông **Lê Chí K1**, sinh năm 1975.

4/ Ông **Lê Chí C**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: 2 đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

5/ Bà **Lê Quang Phương D**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: A W.coolidge st.phonnenix, A.USA.

Bà Nguyễn Thị Bích T, bà Lê Thị Thu H ủy quyền cho ông Lê Chí C theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06/5/2016.

Bà Lê Quang Phương D ủy quyền cho ông Lê Chí C theo Giấy ủy quyền ngày 25/9/2018.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Tuyết P**, sinh năm 1972.
Địa chỉ: Số D, ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

(Ông G, ông C có mặt, ông K1 xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Quang G trình bày:

Ông Lê Bích Q (cha của ông Lê Quang G và ông Lê Quang S) được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000335 vào ngày 04/11/1996, tại các thửa 902, 903, 907 và thửa 1917, tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 10.502m².

Ông Lê Bích Q chết vào ngày 06/4/2005, mẹ ông G là bà Nguyễn Tuyết M chết vào ngày 02/6/1994. Ông Q và bà M lúc sinh thời có tất cả 03 người con gồm: Bà Lê Tuyết P, ông Lê Quang G và ông Lê Quang S. Khi ông G và ông S đi khai nhận di sản thừa kế thì phát sinh tranh chấp ranh đất với ông Lê K (hiện tại do vợ và các con của ông K đang quản lý, sử dụng).

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã xét xử phúc thẩm. Sau khi Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật cơ quan thi hành án đã thi hành xong các quyết định của bản án phúc thẩm. Toàn bộ phần đất tranh chấp, cơ quan Thi hành án đã giao cho gia đình ông G quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, sau đó Tòa dân sự Tòa án nhân dân Tối Cao đã hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 173/2011/DSPT ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ và Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2010/DSST ngày 30/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền theo Quyết định Giám đốc thẩm số 530/2014/DS-GĐT ngày 18/12/2014 và toàn bộ hồ sơ chuyển về cho Tòa án huyện Phong Điền giải quyết. Nay ông G và ông S không có ý kiến gì về diện tích đất mà Thi hành án đã giao cho gia đình ông sử dụng. Vì gia đình ông đã sử dụng đúng theo giấy chứng nhận QSDĐ số 000335 ngày 04/11/1996 cấp cho ông Lê Bích Q (chết). Sau khi đo đạc thực tế diện tích tranh chấp là 39.2m², ông yêu cầu công nhận diện tích trên là của gia đình ông.

Theo đơn phản tố của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê K và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm - ông Lê Chí C trình bày:

Nguồn gốc đất gia đình ông đang sử dụng là của cha ông Lê K được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000204 ngày 04/9/1996 tại các thửa 792 (diện tích 457m², loại đất Q), thửa 906 (diện tích 345m², loại đất T), thửa 888 (diện tích 1.100m², loại đất Q), thửa 901 (diện tích 1.200m², loại đất Q) và thửa 892 (diện tích 1.272m², loại đất Q), tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 4.374m².

Ông Lê K chết ngày 20/9/2013, có vợ là bà Nguyễn Thị Bích T và có 04 người con gồm: Bà Lê Thị Thu H, bà Lê Quang Phương D, ông Lê Chí K1 và ông Lê Chí C. Hiện nay, ông C là một trong những người kế thừa nghĩa vụ tố tụng của ông Lê K và là người đại diện ủy quyền của bà H, bà T, bà D vẫn tiếp tục giữ yêu cầu phản tố trước đây của ông Lê K là công nhận diện tích tranh chấp đo thực tế là 39.2m² thuộc một phần thửa 906, tờ bản đồ 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000204 cấp ngày 04/9/1996 cho ông Lê Kháng .

Ông G đại diện cho ông Lê Quang S và bà Lê Tuyết P: Thống nhất ý kiến của nguyên đơn đã trình bày.

Ông C đại diện cho bà Nguyễn Thị Bích T, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Quang Phương D: Thống nhất ý kiến của đại diện bị đơn đã trình bày.

Ông Lê Chí K1: Thống nhất ý kiến của đại diện bị đơn đã trình bày.

Tòa án đã tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ, các đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Quang G trình bày: Ông yêu cầu công nhận phần đất 39.2m² thuộc thửa 902+903 thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông, vì theo đo đạc thực tế đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất gia đình ông đang sử dụng nếu cộng luôn phần lề hiện đất ông còn thiếu 185.2m².

Ông Lê Chí C trình bày: Theo đo đạc diện tích tranh chấp là 39.2m² ông yêu cầu thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông vì đo đạc thực tế đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất gia đình ông đang sử dụng nếu cộng luôn phần lề lộ 2m dài 9.03 m hiện đất của gia đình ông không thiếu nhưng từ năm 1978 đến nay gia đình ông đã sử dụng phần đất trên, đã trồng dừa, chuối và xây dựng kim tĩnh, nuôi heo. Ông C không yêu cầu bồi thường thiệt hại như đơn phản tố vì không có chứng cứ chứng minh thiệt hại.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án

ra xét xử đúng quy định pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Tuy nhiên, thời hạn giải quyết án có vi phạm. Về kiểm sát tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Bản trích đo địa chính số 1143 ngày 11/10/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C so với diện tích đất trong các thửa 902 và 903, 907 thì thiếu 212.6m². Nếu cộng phần lẻ lộ 2m dài 13.7=27.4m² thì nguyên đơn vẫn thiếu 185.2m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu cộng diện tích tranh chấp là 39.2m² thì nguyên đơn vẫn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5334.5+27.4+39.2=5401.1m² thiếu 146m².

- Tổng diện tích đo đạc thực tế của thửa 906 của ông Lê K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000204 ngày 04/9/1996 là 326.8m² loại đất ODT. So với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 345m² thì thiếu 18.2m². Tuy nhiên, tại Bản trích đo địa chính số 1143 ngày 11/10/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C thể hiện lẻ lộ 2m dài 9.03 m = 18.06m² thì diện tích đất thực tế là 326.8+18.06=344.8m² là không thiếu.

Đối với các cây trồng, vật kiến trúc hiện không còn. Qua thu thập, xác minh lại không có chứng cứ mới, đã làm rõ yêu cầu của Quyết định giám đốc thẩm không có chứng cứ khác có lợi cho ông K nên đề nghị hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm đối với thửa đất liền kề, cả nguyên đơn và bị đơn đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản liền kề”. Phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Vụ án, tuy có đương sự là bà Lê Quang Phương D đang sinh sống ở nước ngoài nhưng theo Công văn số 02/2019/CV.TA ngày 14/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thì vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Sau khi thụ lý lại vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được cách giải quyết toàn bộ vụ án. Do đó, Tòa án xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về nội dung:

Ông Lê Bích Q được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000335 ngày 04/11/1996, tại các thửa 902 (diện tích 8.830m², loại đất Q), thửa 903 (diện tích 1.223m², loại đất Q), thửa 907 (diện tích 350m², loại đất T) và thửa 1917 (diện tích 99m², loại đất T), tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 10.502m².

Ngày 04/9/2007 thửa 1917 bị thu hồi hết thửa, diện tích 84m² loại đất ODT (diện tích nhỏ hơn so với giấy chứng nhận nhưng đã thu hồi hết thửa).

Ngày 15/12/2005 Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi diện tích 3765,7m² CLN thuộc thửa 902+903, diện tích còn lại theo giấy chứng nhận là 6637,3m².

Ngày 22/7/2009 Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi một phần thửa 902, 903 diện tích 1090m² đất CLN, diện tích còn lại theo giấy chứng nhận là 5547,1m². Diện tích thửa 907 là 350m² còn lại là thửa 902 và 903 (5547,1 - 350 = 5197,1m²).

Ông Lê K được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000204 tại các thửa 792 (diện tích 457m², loại đất Q), thửa 906 (diện tích 345m², loại đất T), thửa 888 (diện tích 1.100m², loại đất Q), thửa 901 (diện tích 1.200m², loại đất Q) và thửa 892 (diện tích 1.272m², loại đất Q), tờ bản đồ số 02, tổng diện tích là 4.374m².

Tại phiên tòa, ông G và ông C cho rằng, hiện nay chỉ tranh chấp diện tích 39,2m² tại thửa 902 và 903 tổng diện tích là 5197,1m² loại đất CLN và thửa 906 diện tích 345m², loại đất T1

Sau khi đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có diện tích là 39,2m² theo Bản Trích đo địa chính số 1143/TTKTTNMT ngày 11/10/2023 của Trung tâm kỹ thuật - Tài nguyên và Môi trường thành phố C. Cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của cha các ông được cấp.

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Bích Q và ông Lê K được cấp không thể hiện kích thước cạnh ngang - dài. Đồng thời, đến thời điểm hiện tại tại nhà nước chưa có Quyết định nào thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho nguyên đơn và bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn và bị đơn được cấp và diện tích đất thực tế đang sử dụng để giải quyết vụ án.

Căn cứ Bản Trích đo địa chính số 1143/TTKTTNMT ngày 11/10/2023 của Trung tâm kỹ thuật - Tài nguyên và Môi trường thành phố C chưa tính phần diện tích đất tranh chấp thì đất của nguyên đơn đang sử dụng tại các thửa 902, 903 có diện tích là 4984,5m², đất của bị đơn đang sử dụng tại thửa 906 có diện tích là 326,8m².

Theo Công văn số 700/UBND-TNMT ngày 25/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện P và theo hồ sơ thu hồi đất thì tại các thửa 902, 903 của nguyên đơn nhà nước đã thu hồi tổng diện tích 4.855,9m² theo Quyết định số 5767/QĐ-

UBND ngày 15/12/2005 và Quyết định số 3833/QĐ-UBND ngày 22/7/2009. Còn thửa 906 của bị đơn không bị nhà nước thu hồi.

- Tổng diện tích đo đạc thực tế của thửa 902+903=4984.5m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000335 ngày 04/11/1996 diện tích là 5197.1m², thiếu 212.6m² (5197.1 - 4984.5= 212.6m²). Nếu cộng phần lề lộ 2m dài 13.7 = 27.4m² thì thiếu 185.2m² so giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu cộng diện tích tranh chấp là 39.2m² thì vẫn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4984.5+27.4+39.2=5051.1m² thiếu 146m² (5197.1m² - 5051.1m² = 146m²).

- Tổng diện tích đo đạc thực tế của thửa 906 của ông Lê K là 326.8m² loại đất ODT. So với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 345m² thì thiếu 18.2m². Tuy nhiên, tại Bản trích đo địa chính số 1143 ngày 11/10/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C thể hiện lề lộ 2m dài 9.03 m = 18.06m² thì diện tích đất thực tế gia đình ông Lê K đã sử dụng là 326.8+18.06=344.8m² là không thiếu.

Theo biên bản làm việc ngày 23/10/2023 ông Lê Quang G và ông Lê Chí C đều thống nhất phần đất tranh chấp khi đo đạc thực tế có diện tích là 39.2m² và là loại đất CLN (Bút lục 239), còn thửa đất 906 của bị đơn được cấp là loại đất T (lâu dài) đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông C cũng thừa nhận diện tích đất gia đình ông đang sử dụng không thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên ông vẫn yêu cầu công nhận diện tích 39.2m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông vì gia đình ông đã sử dụng từ năm 1978 như trồng dưa, làm chuồng heo, xây kim tinh. Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ và phân tích trên thì phần đất tranh chấp không thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông C vì diện tích đất gia đình ông C đang sử dụng không thiếu và cũng không có căn cứ cho rằng gia đình ông C được cấp giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất diện tích 39.2m². Đối với cây dưa, chuồng heo, kim tinh hiện không còn tồn tại.

Ông C không yêu cầu bồi thường như đơn phản tố vì cho rằng không có chứng cứ chứng minh thiệt hại nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông C.

Đối với các yêu cầu cần làm rõ theo Quyết định Giám đốc thẩm số 530/2014/DS-GĐT ngày 18/12/2014 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân Tối cao thì 02 cây dưa và hàng rào kẽm gai đã không còn hiện hữu theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/6/2023, còn trên nền kim tinh trước đây ông K có xây chuồng heo hay không thì địa phương không nắm rõ do phần đất tranh chấp nằm phía sau theo biên bản xác minh ngày 28/5/2024. Qua thu thập, xác minh lại không có chứng cứ mới, đã làm rõ yêu cầu của Quyết định giám đốc thẩm nhưng không có chứng cứ khác.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có cơ sở chấp nhận yêu cầu phản tố của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn.

Do đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí đo đạc, định giá và lấy bản vẽ là 7.866.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 7.866.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí này. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Quang G tự nguyện chịu ½ chi phí đo đạc thẩm định nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.933.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 175 Bộ luật dân sự;

Điều 105, Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang G, ông Lê Quang S.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Lê Chí C.

3/ Phần đất có diện tích là 39.2m², đất tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Lê Quang G, ông Lê Quang S (Tại vị trí được đánh dấu A trên bản Trích đo địa chính). (Kèm theo Bản trích đo địa chính số 1143/TTKTTNMT ngày 11/10/2023 của Trung tâm kỹ thuật - Tài nguyên và Môi trường thành phố C).

Đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

4/ *Về chi phí đo đạc, định giá*: Chi phí đo đạc, định giá và lấy bản vẽ là 7.866.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ nên bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.933.000 đồng (*Ba triệu chín trăm ba mươi ba ngàn đồng*), khi án có hiệu lực pháp luật.

5/ *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí không có giá ngạch, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007877 ngày 13/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền thành án phí. Nguyên đơn được nhận lại 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0007794 ngày 02/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

6/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THADS H. Phong Điền;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà